

VẬN DỤNG TRIẾT LÝ QUẢN TRỊ CỦA HỒ CHÍ MINH: “BÌNH TĨNH, TỈNH TÁO NHƯNG QUYẾT ĐOÁN” TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

BÙI THỊ MỸ LỆ
DƯƠNG THỊ THU HẰNG
Trường Chính trị thành phố Cần Thơ

Nhận bài ngày 02/02/2026. Sửa chữa xong 11/03/2026. Duyệt đăng 15/3/2026.

Abstract

The article elucidates the theoretical and practical values of Ho Chi Minh's philosophy of governance, particularly the principle of being "calm, clear-headed, yet decisive" as a core tenet of leadership and modern national governance. On that basis, it further clarifies the Party's consistent application of this philosophy in practice to guide action, harness internal strengths, and realize the aspiration for national development in the nation's era of aspirational rise.

Keywords: Clear-headed, calm, decisive, Ho Chi Minh's governance philosophy, new era.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên phát triển mới với mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, yêu cầu nâng cao chất lượng quản trị quốc gia trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Trước những biến động nhanh, phức tạp và khó lường của môi trường quốc tế, mỗi quyết sách không chỉ cần đúng hướng mà còn phải kịp thời và hiệu quả, bảo đảm giữ vững ổn định để tạo nền tảng cho bứt phá. Trong bối cảnh đó, triết lý “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” của Hồ Chí Minh mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Triết lý ấy kết tinh bản lĩnh chính trị, tư duy khoa học và năng lực hành động, giúp giữ vững nguyên tắc trong những thời điểm nhạy cảm, nhận diện đúng cơ hội và thách thức, đồng thời dám đưa ra những quyết định chiến lược để tạo chuyển biến thực chất. Vận dụng sáng tạo triết lý đó chính là chìa khóa nâng cao hiệu lực quản trị, củng cố niềm tin xã hội và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Triết lý “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” của Hồ Chí Minh – nền tảng quản trị hiện đại quốc gia

Triết lý quản trị của Hồ Chí Minh “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán”, không chỉ là di sản tư tưởng có giá trị lịch sử mà còn là một phương pháp luận quản trị mang tính khoa học và bền vững. Ở Người, bản lĩnh chính trị luôn gắn với tư duy khoa học, quyết tâm hành động luôn song hành với sự thận trọng, cân nhắc toàn diện. Chính sự thống nhất giữa “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” đã tạo nên một phong cách lãnh đạo mẫu mực, đặt nền tảng quan trọng cho quản trị quốc gia hiện đại trong bối cảnh nhiều biến động và thách thức. Người cũng từng căn dặn: “Quyết đoán là một đức tính quý báu của người cách mạng. Nhưng quyết đoán không phải là liều mạng. Quyết đoán phải đi đôi với cẩn thận” [1]. Tư tưởng ấy hàm chứa triết lý quản trị sâu sắc: muốn phát triển nhanh phải giữ được sự bình tĩnh; muốn hành động hiệu quả phải có sự tỉnh táo trong phân tích; muốn tạo đột phá phải dám quyết đoán trên cơ sở khoa học. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, phức tạp, cạnh tranh chiến lược gay gắt, khó lường, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh diễn ra mạnh mẽ, triết lý này càng trở nên thời sự. Hồ Chí Minh cũng khẳng định

Email: hauloc@gmail.com

mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn: “Thực hành sinh ra hiểu biết. Hiểu biết tiến lên lý luận. Lý luận lãnh đạo thực hành” [2]. Đây chính là nền tảng cho phương thức quản trị hiện đại - lấy thực tiễn làm điểm xuất phát và mục tiêu, coi hiệu quả thực thi là thước đo giá trị của chính sách.

Vận dụng triết lý “bình tĩnh, tĩnh táo nhưng quyết đoán” của Người trong kỷ nguyên mới không phải là sự lặp lại, mà là chuyển hoá triết lý đó thành nguyên tắc hành động trong từng quyết sách chiến lược.

2.2. Từ triết lý quản trị của Hồ Chí Minh sang nghị quyết hành động là yêu cầu tất yếu của sự phát triển

Kể thừa thành tựu qua các kỳ đại hội, đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định yêu cầu tạo bước đột phá thực chất về thể chế, tổ chức bộ máy và năng lực thực thi. Sự chuyển dịch từ nghị quyết định hướng sang nghị quyết hành động là bước đi từ “tầm nhìn” đến “kết quả”. Nếu nghị quyết định hướng đóng vai trò là kim chỉ nam, xác định mục tiêu và khát vọng, thì nghị quyết hành động chính là bản thiết kế thi công chi tiết với đầy đủ nguồn lực và lộ trình, bước đi cụ thể. Thực tiễn cho thấy, những chủ trương dù hay đến đâu nếu thiếu các giải pháp mang tính kỹ thuật, định lượng và phân công trách nhiệm cụ thể sẽ dễ rơi vào tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” hoặc “đánh trống bỏ dùi”. Yêu cầu tất yếu này đòi hỏi phải thay đổi từ ngôn ngữ chung chung sang những con số biết nói và các mốc thời gian nghiêm ngặt. Việc chuyển đổi giúp cá nhân hóa trách nhiệm, loại bỏ tư duy dựa dẫm vào tập thể và tạo ra thước đo công tâm để đánh giá cán bộ. Cuối cùng, một Nghị quyết hành động mạnh mẽ là lời giải cho bài toán niềm tin, biến những lời hứa trên giấy thành những giá trị thực tế mà người dân và tổ chức có thể thụ hưởng. Đồng thời, sự chuyển dịch từ nghị quyết định hướng sang nghị quyết hành động là một bước ngoặt tất yếu để đưa chính sách thoát khỏi những “văn bản nằm trên bàn giấy”. Biểu hiện đầu tiên và rõ nét nhất chính là sự lên ngôi của tư duy định lượng, thay thế những cụm từ chung chung bằng các chỉ số KPI cụ thể, biến tầm nhìn thành những con số có thể đo lường. Tiếp đến là việc cá nhân hóa trách nhiệm thông qua cơ chế “5 rõ”, giúp chấm dứt tình trạng đùn đẩy và xác định chính xác người đứng đầu cho từng khâu thực thi.

Thay vì chỉ dừng lại ở việc nêu mục tiêu, nghị quyết hành động tập trung quyết liệt vào phương thức triển khai và nguồn lực, trả lời thỏa đáng câu hỏi về ngân sách và nhân sự ngay từ khi ban hành. Lộ trình thực hiện cũng được chia nhỏ thành các cột mốc thời gian nghiêm ngặt, cho phép giám sát và điều chỉnh kịp thời thay vì đợi đến kỳ tổng kết cuối nhiệm kỳ. Đặc biệt, tư duy này chuyển trọng tâm từ khâu “ban hành” sang “thực thi và kiểm chứng”, ưu tiên các mô hình thí điểm và bảo vệ cán bộ dám đột phá. Đây chính là cách quản trị hiện đại tạo ra sự minh bạch, biến áp lực thực tiễn thành động lực phát triển, giúp rút ngắn khoảng cách giữa ý chí của tổ chức và lợi ích thực tế của cộng đồng. Đây chính là sự vận dụng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong hoạt động lãnh đạo quản lý.

Tinh thần này thể hiện ở quyết tâm tinh gọn bộ máy, phân cấp - phân quyền rõ ràng, nâng cao trách nhiệm giải trình, xây dựng nền hành chính kiến tạo, phục vụ. Chuyển từ “quản lý” sang “quản trị”, từ “xin - cho” sang “tạo điều kiện và kiểm soát hậu kiểm” là biểu hiện của sự tĩnh táo trong cải cách và quyết đoán trong hành động.

2.3. Định hướng triết lý quản trị của Hồ Chí Minh trong tiến trình 40 năm đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước

2.3.1. Tĩnh táo trong lựa chọn con đường phát triển

Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế - xã hội những năm 1980, Đảng ta đã không rơi vào giáo điều hay cực đoan, mà bình tĩnh phân tích thực tiễn, dũng cảm đổi mới tư duy, chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là quyết định có ý nghĩa lịch sử, thể hiện sự vận dụng đúng tinh thần của Hồ Chí Minh “Hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành” [3]. Sau 40 năm, quy mô nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng vượt bậc; thu nhập bình quân đầu người tăng nhiều lần so với giai đoạn đầu đổi mới; tỷ lệ nghèo đa chiều giảm sâu; tầng lớp trung lưu ngày càng mở rộng. Việt Nam từ một quốc gia thiếu lương thực đã trở thành nước xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới. Những con số đó không đơn thuần là tăng trưởng, mà phản ánh hiệu quả của một chiến lược phát triển được lựa chọn trên cơ sở tỉnh táo, phù hợp quy luật khách quan.

2.3.2. Bình tĩnh và bản lĩnh trong hội nhập quốc tế

Từ một nền kinh tế bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã từng bước bình thường hóa và mở rộng quan hệ đối ngoại, tham gia sâu vào hệ thống kinh tế toàn cầu; ký kết và thực thi hơn 16 hiệp định thương mại tự do (FTA), trong đó nổi bật là các FTA thế hệ mới như CPTPP, EVFTA, và UKVFTA, giúp kết nối sâu rộng với hơn 60 nền kinh tế, chiếm gần 90% GDP toàn cầu đã tạo không gian thị trường rộng lớn và thúc đẩy cải cách thể chế trong nước. Đặc biệt, việc thiết lập quan hệ Đối tác Chiến lược toàn diện với các cường quốc lớn, trong đó có toàn bộ các nước Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, thể hiện rõ bản lĩnh “dĩ bất biến, ứng vạn biến”[3]. Trong bối cảnh cạnh tranh địa chính trị gay gắt, Việt Nam vẫn giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; không chọn bên chỉ chọn lẽ phải, chọn hòa bình và phát triển. Đó chính là sự bình tĩnh chiến lược - yếu tố cốt lõi trong triết lý quản trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2.3.3. Quyết đoán trong đầu tư hạ tầng và tái cấu trúc nền kinh tế

Nếu không có sự quyết đoán trong phân bổ nguồn lực và cải cách thể chế, Việt Nam khó có thể tạo ra những đột phá về kết cấu hạ tầng. Hệ thống đường cao tốc liên vùng, cảng biển, sân bay quốc tế được đầu tư mạnh mẽ, tạo động lực liên kết vùng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Các chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển chính phủ số, kinh tế số được triển khai quyết liệt. Tinh thần “Phải làm cho được, nói ít làm nhiều”[4] không chỉ là khẩu hiệu mà đã trở thành phương châm hành động. Chính sự quyết đoán ấy giúp Việt Nam tận dụng cơ hội dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút dòng vốn đầu tư chất lượng cao vào các lĩnh vực công nghệ, bán dẫn, đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, sự quyết đoán của Việt Nam trong đầu tư hạ tầng và tái cấu trúc kinh tế chính là biểu hiện sinh động của tư duy hành động thực chiến. Thay vì chỉ dừng lại ở các quy hoạch mang tính định hướng, Nhà nước đã dồn lực triển khai hàng loạt siêu dự án như cao tốc Bắc - Nam và sân bay Long Thành với cơ chế đặc thù để rút ngắn tiến độ. Song song đó, việc tái cấu trúc không còn là khẩu hiệu mà hiện hữu qua bước chuyển dịch mạnh mẽ sang kinh tế số, năng lượng xanh và công nghiệp bán dẫn. Chính phủ đã chủ động tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế, giao trách nhiệm người đứng đầu với kết quả giải ngân vốn đầu tư công và các cột mốc hoàn thành cụ thể. Những hành động quyết liệt này không chỉ tạo ra diện mạo mới cho quốc gia mà còn xác lập một nền tảng nội lực vững chắc, giúp Việt Nam thích ứng linh hoạt và bứt phá trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đây là minh chứng rõ nét cho việc biến thách thức thành cơ hội - một biểu hiện cụ thể của quản trị chủ động, không bị động trước biến động quốc tế.

2.3.4. Quyết đoán trong tinh gọn bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh bộ máy nhà nước phải được tổ chức hợp lý, tránh công kênh, quan liêu; cán bộ, công chức phải thực sự là “công bộc của dân”, hết lòng phục vụ nhân dân. Việc tiếp tục triển khai chủ trương tinh gọn bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay chính là sự cụ thể hóa tư tưởng đó trong điều kiện mới, đồng thời thể hiện rõ quyết tâm chính trị của Đảng trong việc thực hiện các nghị quyết về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực tiễn triển khai chủ trương tinh gọn bộ máy và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã cho thấy những kết quả bước đầu rõ nét, khẳng định tính đúng đắn và quyết đoán trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, cả nước còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh và 3.321 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 6.714 đơn vị cấp xã (tương đương 66,91%) so với trước đây; đồng thời kết thúc hoạt động của 696 đơn vị hành chính cấp huyện, từng bước hình thành mô hình quản trị địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Việc tổ chức lại hệ thống chính quyền không chỉ giảm đáng kể tầng nấc trung gian mà còn góp phần nâng cao tính chủ động, trách nhiệm và năng lực quản trị của chính quyền cơ sở. Những kết quả bước đầu này cho thấy đây không chỉ là sự điều chỉnh về mặt tổ chức bộ máy, mà còn thể hiện tư duy cải cách mạnh mẽ, quyết đoán nhưng bình tĩnh, tỉnh táo của Đảng, vừa kiên định mục tiêu tinh gọn hệ thống chính trị, vừa bảo đảm sự ổn định của bộ máy nhà nước và đời sống xã hội. Qua đó, chủ trương tinh gọn bộ máy đã và đang trở thành một nghị quyết hành động, được triển khai quyết liệt trong thực tiễn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

2.3.5. *Củng cố kỷ cương và niềm tin xã hội*

Củng cố kỷ cương và bồi đắp niềm tin xã hội chính là “xương sống” để chuyển hóa các nghị quyết thành kết quả thực tiễn tại Việt Nam. Kỷ cương được siết chặt thông qua cơ chế giám sát nghiêm ngặt và tinh thần thượng tôn pháp luật, đảm bảo mọi chính sách không bị đình trệ bởi tư duy cục bộ hay lợi ích nhóm. Đồng thời, niềm tin xã hội được khơi thông khi người dân thấy được sự minh bạch, quyết liệt trong phòng chống tham nhũng và những chuyển biến hữu hình từ hạ tầng đến dịch vụ công. Khi kỷ cương trở thành nền nếp và niềm tin trở thành động lực, mọi rào cản về tâm lý “sợ sai, sợ trách nhiệm” sẽ được tháo gỡ, tạo ra sức mạnh cộng hưởng để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. Sự đồng thuận giữa ý Đảng và lòng dân chính là thước đo cao nhất cho hiệu quả của một nền quản trị hành động. Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh toàn diện trong những năm gần đây đã góp phần làm trong sạch bộ máy, củng cố niềm tin của nhân dân. Đây là biểu hiện của sự kết hợp giữa tinh táo trong nhận diện nguy cơ và quyết đoán trong xử lý sai phạm. Không né tránh, không dung túng, xử lý nghiêm minh chính là cách hiện thực hóa lời dạy của Người về giữ gìn đạo đức cách mạng và kỷ luật của Đảng. Qua 40 năm đổi mới là quá trình vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong quản trị quốc gia cùng với những thành tựu đạt được là minh chứng thuyết phục cho giá trị bền vững của triết lý “bình tĩnh, tinh táo nhưng quyết đoán” của Người.

2.4. *Một số thách thức trong quản trị quốc gia giai đoạn mới*

Bước vào giai đoạn phát triển mới với mục tiêu đến năm 2045 trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, Việt Nam không chỉ đứng trước thời cơ lớn mà còn phải đối diện những thách thức mang tính cấu trúc, lâu dài và đan xen phức tạp.

2.4.1. *Nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình” và tụt hậu công nghệ*

Sau 40 năm đổi mới, tăng trưởng của Việt Nam chủ yếu dựa vào lao động giá rẻ, khai thác tài nguyên và thu hút đầu tư nước ngoài. Mô hình này đang dần tiệm cận giới hạn. Nếu không chuyển nhanh sang dựa vào đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ và năng suất lao động cao, nền kinh tế có nguy cơ chậm lại khi lợi thế chi phí thấp mất dần. Thách thức ở đây không chỉ là kinh tế, mà là năng lực quản trị quốc gia trong điều kiện chuyển đổi mô hình phát triển. Bình tĩnh để đánh giá đúng vị thế của mình trong chuỗi giá trị toàn cầu; tinh táo để nhận diện những ngành có lợi thế cạnh tranh thực sự; và quyết đoán trong đầu tư cho giáo dục, khoa học - công nghệ, hạ tầng số chính là điều kiện để vượt qua thách thức này.

2.4.2. *Áp lực hoàn thiện thể chế trong bối cảnh hội nhập*

Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới với tiêu chuẩn cao, yêu cầu cải cách mạnh mẽ về pháp luật, quản trị công và minh bạch hóa chính sách. Nếu thể chế không theo kịp yêu cầu phát triển, nguy cơ “đi sau một nhịp” sẽ trở thành rào cản lớn. Đây là thách thức về sự tinh táo trong nhận diện “điểm nghẽn” và quyết đoán trong cải cách. Những tồn tại như chồng chéo pháp luật, thủ tục hành chính phức tạp, phân cấp chưa rõ ràng, hay tâm lý sợ trách nhiệm trong một bộ phận cán bộ có thể làm suy giảm động lực phát triển. Việc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực thực thi không chỉ là yêu cầu tổ chức mà là đòi hỏi sống còn của quản trị quốc gia hiện đại.

2.4.3. *Thách thức về nguồn lực tài chính và chống lãng phí*

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng cảnh báo: “Lãng phí tuy không ăn cắp của công, nhưng kết quả thì rất tai hại... Có khi tai hại hơn tham ô”[5]. Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, mỗi quyết định đầu tư thiếu hiệu quả đều có thể tạo gánh nặng lâu dài cho ngân sách và xã hội. Hiện nay, áp lực đầu tư hạ tầng lớn, nhu cầu chi cho an sinh xã hội, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi số ngày càng cao. Nếu không kiểm soát tốt hiệu quả đầu tư công, quản lý tài sản công và kỷ luật ngân sách, nguy cơ thất thoát, lãng phí sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến niềm tin xã hội. Thách thức này đòi hỏi sự tinh táo trong thẩm định, giám sát và sự quyết đoán trong xử lý sai phạm, không có “vùng cấm”.

2.4.4. *Biến động địa chính trị và rủi ro bên ngoài*

Thế giới đang chứng kiến cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột khu vực, chiến tranh, đứt gãy chuỗi cung ứng và biến động thị trường năng lượng, tài chính. Là nền kinh tế có độ mở cao,

Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ các cú sốc bên ngoài. Trước tình hình đó, nhiệm vụ trọng tâm là phải giữ vững ổn định vĩ mô, đồng thời bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng, an ninh lương thực, an ninh mạng và an ninh kinh tế trở nên cấp thiết. Để phát triển bền vững, chúng ta cần giữ thái độ bình tĩnh trong đối ngoại, kiên định nguyên tắc độc lập, tự chủ và tỉnh táo trong lựa chọn đối tác chiến lược. Đặc biệt là quyết đoán trong quản trị kinh tế về chính sách tiền tệ - tài khóa. Đây chính là chìa khóa để chuyển hóa thách thức thành cơ hội phát triển bền vững.

2.4.5. Thách thức về niềm tin và “thể trận lòng dân”

Trong kỷ nguyên số, thông tin lan truyền nhanh chóng, đa chiều, tạo ra áp lực lớn đối với quản trị công. Nếu thiếu minh bạch, thiếu đối thoại và phản hồi kịp thời, niềm tin xã hội có thể bị tác động tiêu cực. Hồ Chí Minh luôn coi “dân là gốc”. Mọi chủ trương, chính sách nếu không xuất phát từ lợi ích và sự đồng thuận của nhân dân thì khó có thể bền vững. Do đó, thách thức lớn nhất không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà là củng cố và nâng cao niềm tin xã hội - nền tảng của ổn định chính trị và phát triển lâu dài.

2.5. Một số giải pháp vận dụng triết lý “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” của Hồ Chí Minh trong quản trị quốc gia

2.5.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế và cơ chế phân cấp, phân quyền trong quản trị địa phương

Khi tăng nấc trung gian được cắt giảm, yêu cầu đặt ra là phải xác định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp chính quyền, tránh tình trạng chồng chéo hoặc đùn đẩy trách nhiệm trong quản lý nhà nước. Vì vậy, cần rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền trong hệ thống quản lý nhà nước. Cùng với đó, cần thiết lập các cơ chế quản trị minh bạch như công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính, công khai ngân sách địa phương và trách nhiệm của từng cơ quan quản lý. Khi thẩm quyền được xác định rõ ràng và trách nhiệm được gắn chặt với từng cấp chính quyền, bộ máy nhà nước sẽ vận hành hiệu quả hơn, góp phần rút ngắn thời gian xử lý công việc, nâng cao hiệu lực quản lý và giảm tình trạng quan liêu trong hệ thống hành chính.

2.5.2. Đổi mới phương thức đánh giá cán bộ, công chức theo hướng đo lường hiệu quả công việc

Một bộ máy tinh gọn chỉ có thể hoạt động hiệu quả khi mỗi cán bộ, công chức thực sự làm việc có trách nhiệm và được đánh giá dựa trên kết quả công việc cụ thể. Do đó, cần áp dụng các phương pháp quản trị hiện đại trong đánh giá công chức, trong đó có việc xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá hiệu quả công việc (KPI) đối với từng vị trí việc làm. Mỗi cơ quan, đơn vị cần xác định rõ các tiêu chí đánh giá định lượng như thời gian giải quyết hồ sơ hành chính, chất lượng tham mưu chính sách, hiệu quả quản lý ngân sách và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kết quả đánh giá cần được sử dụng làm căn cứ quan trọng trong việc bố trí, sử dụng, khen thưởng hoặc điều chỉnh vị trí công tác đối với cán bộ, công chức. Việc đánh giá dựa trên hiệu quả thực hiện nhiệm vụ không chỉ tạo động lực làm việc cho đội ngũ cán bộ mà còn góp phần khắc phục tình trạng đánh giá hình thức, qua đó bảo đảm bộ máy tinh gọn nhưng vẫn hoạt động hiệu lực và hiệu quả.

2.5.3. Đo lường mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với hoạt động của chính quyền

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, bộ máy nhà nước phải thực sự là bộ máy phục vụ nhân dân, và hiệu quả hoạt động của chính quyền cần được đánh giá thông qua sự hài lòng của người dân. Vì vậy, các địa phương cần thường xuyên thực hiện các cuộc khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ hành chính công, đặc biệt trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống xã hội như đất đai, xây dựng, hộ tịch và an sinh xã hội. Kết quả khảo sát cần được công bố công khai và sử dụng làm căn cứ để cải thiện chất lượng phục vụ của các cơ quan nhà nước. Khi mức độ hài lòng của người dân trở thành một tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền, các cơ quan công quyền sẽ có động lực mạnh mẽ hơn trong việc nâng cao chất lượng phục vụ và cải cách thủ tục hành chính.

2.5.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản trị địa phương và cải cách hành chính nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng tất

yếu mà còn là công cụ quan trọng để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Việc xây dựng chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số sẽ giúp số hóa quy trình xử lý công việc, giảm thiểu thủ tục hành chính và tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan công quyền. Các địa phương cần đẩy mạnh số hóa hồ sơ hành chính, phát triển dịch vụ công trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung giữa các cơ quan quản lý nhà nước. Khi các quy trình quản lý được số hóa, người dân và doanh nghiệp có thể tiếp cận dịch vụ công nhanh chóng và thuận tiện hơn, đồng thời giảm thiểu tình trạng nhũng nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính. Điều này không chỉ giúp tiết kiệm chi phí xã hội mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của chính quyền địa phương.

2.5.5. Tăng cường cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy nhà nước

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhân dân vừa là chủ thể của quyền lực nhà nước, vừa là lực lượng giám sát hiệu quả đối với hoạt động của các cơ quan công quyền. Do đó, cần tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội và cộng đồng dân cư trong việc giám sát việc thực hiện các chủ trương cải cách bộ máy. Các địa phương cần thiết lập các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân như cổng thông tin điện tử, đường dây nóng hoặc các diễn đàn đối thoại trực tiếp giữa chính quyền và nhân dân. Thông qua các cơ chế này, người dân có thể tham gia góp ý, phản biện và giám sát hoạt động của các cơ quan công quyền, qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của bộ máy nhà nước.

2.5.6. Củng cố sự thống nhất giữa “Ý Đảng – lòng dân” trong tiến trình đổi mới

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy và thay đổi mô hình quản trị địa phương có thể tác động đến tâm lý của cán bộ, công chức và đời sống xã hội, vì vậy quá trình triển khai cần được thực hiện với tinh thần quyết đoán nhưng bình tĩnh, tỉnh táo, vừa kiên định mục tiêu cải cách vừa bảo đảm ổn định xã hội. Các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích rõ mục tiêu và ý nghĩa của việc tinh gọn bộ máy để cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng và ủng hộ chủ trương của Đảng. Đồng thời, cần thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ, công chức chịu tác động của quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, bảo đảm quyền lợi chính đáng và tạo điều kiện để họ tiếp tục đóng góp cho xã hội trong những vị trí phù hợp. Khi “ý Đảng” gặp “lòng dân”, quá trình cải cách tổ chức bộ máy sẽ nhận được sự đồng thuận rộng rãi trong xã hội và trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả của quá trình tinh gọn bộ máy và xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, mà còn thể hiện rõ tinh thần quyết đoán, bình tĩnh và tỉnh táo của Đảng trong cải cách hệ thống chính trị, vừa kiên quyết đổi mới để nâng cao hiệu lực quản trị nhà nước, vừa bảo đảm sự ổn định của bộ máy và đời sống xã hội trong quá trình phát triển đất nước

3. Kết luận

Triết lý quản trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh “bình tĩnh, tỉnh táo nhưng quyết đoán” tiếp tục soi đường cho công cuộc phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Hiện nay, chuyển từ tư duy quản lý sang tư duy quản trị kiến tạo phát triển là biểu hiện sinh động của sự vận dụng sáng tạo triết lý của Người. Sự tỉnh táo giúp xác định đúng quỹ đạo; sự bình tĩnh giữ vững ổn định trước biến động; và sự quyết đoán tạo nên đột phá chiến lược. Với bản lĩnh chính trị vững vàng và quyết tâm cải cách mạnh mẽ, Việt Nam có cơ sở vững chắc để hiện thực hóa khát vọng trở thành quốc gia phát triển vào năm 2045./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [2] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 5, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 626.
- [3] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 7, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 201.
- [4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 4, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 271.
- [5] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 2, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 282.
- [6] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 7, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 357.
- [7] Ngân hàng Thế giới (2026). *Báo cáo kinh tế Việt Nam: Động lực bứt phá từ thể chế và hạ tầng*.
- [8] Phạm Minh Chính (2025). *Báo cáo thực thi hạ tầng chiến lược quốc gia tại Kỳ họp Quốc hội*, Văn phòng Chính phủ.
- [9] Tô Lâm (2024). *Trao đổi chuyên đề: Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam*, 25/11/2024.